Bộ, tỉnh: Tỉnh Tiền Giang

Cơ quan quản lý cấp trên: Tổng Cục thống kê

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang

Mã đơn vị: 1056810

Loại hình đơn vị: Đơn vị Quản lý nhà nước

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2023

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
I	**Đầu tư xây dựng, mua sắm**						**25.584.841**						
2	**Nhà**						**23.054.511**						
	Nhà làm việc	Cái	1				23.054.511						
4	**Tài sản cố định khác**						**2.530.330**						
	Âm thanh hội trường	Cái	1				31.162						
	Bảng chữ "Đảng Cộng Sản Việt Nam Quang vinh Muôn Năm" khung thép tráng kẽm chống rỉ,nền alu đỏ chữ mica dầy 3mm màu vàng, kích thước:9.76m*0.4m	Cái	1				11.830						
	Bộ bàn hghế họp tiếp khách hình oval bàn ggo64 căm xe, mặt gỗ đỏ sơn PU kính trắng 10 ky mày cạnh 4m*1.6*0.78*, ghế gỗ đỏ 0.39m*0.4*1.05m	Cái	1				121.200						
	Bộ bàn tiếp dân khung sườn gỗ thao lao chân gỗ căm xe, mặt gỗ đỏ sơn Pu 0.9m*1.8*0.78m	Cái	1				10.000						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Bộ bàn tiếp khách (8 ghế)khung sườn gỗ thao lao, chân gỗ căm xe, mặt gõ đỏ sơn PU 1m*2*0.78.Ghế gõ đỏ:0.9m*0.4*1.05m	Cái	1				25.000						
	Bộ ghế sofa nệm	Cái	1				11.000						
	Bộ ghế sofa nệm	Cái	1				11.000						
	Bộ ghế sofa nệm	Cái	1				11.000						
	Bộ ghế sofa nệm	Cái	1				11.000						
	Bộ ghế sofa nệm	Cái	1				11.000						
	Bộ ghế sofa nệm	Cái	1				11.000						
	Bộ ghế sofa nệm	Cái	1				11.000						
	Bộ ghế sofa nệm	Cái	1				11.000						
	Hệ thống thông tin liên lạc	Cái	1				56.777						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.0HP, ZTNQ18GPLA0, ZUAB1 (1 pha), PT MCGW0 Thái lan	Cái	1				32.699						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.0HP, ZTNQ18GPLA0, ZUAB1 (1 pha), PT MCGW0 Thái lan	Cái	1				32.699						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.0HP, ZTNQ18GPLA0, ZUAB1 (1 pha), PT MCGW0 Thái lan	Cái	1				32.699						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.0HP, ZTNQ18GPLA0, ZUAB1 (1 pha), PT MCGW0 Thái lan	Cái	1				32.699						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.0HP, ZTNQ18GPLA0, ZUAB1 (1 pha), PT MCGW0 Thái lan	Cái	1				32.699						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.0HP, ZTNQ18GPLA0, ZUAB1 (1 pha), PT MCGW0 Thái lan	Cái	1				32.699						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.0HP, ZTNQ18GPLA0, ZUAB1 (1 pha), PT MCGW0 Thái lan	Cái	1				32.699						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.0HP, ZTNQ18GPLA0, ZUAB1 (1 pha), PT MCGW0 Thái lan	Cái	1				32.699						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.5HP, ZTNQ24GPLA0, ZUAC1 (1 pha) Thái lan	Cái	1				36.349						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.5HP, ZTNQ24GPLA0, ZUAC1 (1 pha) Thái lan	Cái	1				36.349						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.5HP, ZTNQ24GPLA0, ZUAC1 (1 pha) Thái lan	Cái	1				36.349						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.5HP, ZTNQ24GPLA0, ZUAC1 (1 pha) Thái lan	Cái	1				36.349						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.5HP, ZTNQ24GPLA0, ZUAC1 (1 pha) Thái lan	Cái	1				36.349						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 3HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ30LH4 (3 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Cái	1				42.589						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 3HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ30LH4 (3 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Cái	1				42.589						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 3HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ30LH4 (3 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Cái	1				42.589						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 3HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ30LH4 (3 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Cái	1				42.589						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 3HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ30LH4 (3 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Cái	1				42.589						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 3HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ30LH4 (3 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Cái	1				42.589						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 3HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ30LH4 (3 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Cái	1				42.589						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 3HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ30LH4 (3 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Cái	1				42.589						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 4HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ36LH4 93 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Cái	1				48.629						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 4HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ36LH4 93 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Cái	1				48.629						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 4HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ36LH4 93 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Cái	1				48.629						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 5HP, ATNQ48GMLE7, AUUQ48LH (3 pha), PT-MCGW0, Thái Lan	Cái	1				54.369						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 5HP, ATNQ48GMLE7, AUUQ48LH (3 pha), PT-MCGW0, Thái Lan	Cái	1				54.369						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 5HP, ATNQ48GMLE7, AUUQ48LH (3 pha), PT-MCGW0, Thái Lan	Cái	1				54.369						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 5HP, ATNQ48GMLE7, AUUQ48LH (3 pha), PT-MCGW0, Thái Lan	Cái	1				54.369						
	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 5HP, ATNQ48GMLE7, AUUQ48LH (3 pha), PT-MCGW0, Thái Lan	Cái	1				54.369						
	Máy điều hòa không khí treo tường, 2HP, V18 ENF1 (1 pha) Thái lan	Cái	1				17.808						
	Máy điều hòa không khí treo tường, 2HP, V18 ENF1 (1 pha) Thái lan	Cái	1				17.808						
	Máy fax: Brother2840	Cái	1				13.500						
	Máy hút bụi	Cái	1				21.300						
	Máy in 404DN	Cái	1				10.000						
	Máy in 404DN	Cái	1				10.000						
	Máy in 404DN	Cái	1				10.000						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Máy in 404DN	Cái	1				10.000						
	Máy in 404DN	Cái	1				10.000						
	Máy lạnh Caper 2.0 HP	Cái	1				21.864						
	Máy lạnh Caper 2.0 HP	Cái	1				21.864						
	Máy lạnh Caper 2.0 HP	Cái	1				12.320						
	Máy lạnh Caper 2.0 HP	Cái	1				21.864						
	Máy lạnh Toshiba 2 HP Unverter RAS-H18C4KCVG-V	Cái	1				17.990						
	Máy lạnh Toshiba 2 HP Unverter RAS-H18C4KCVG-V	Cái	1				17.990						
	Máy photo loại 1	Cái	1				176.300						
	Máy scan loại 1	Cái	1				30.800						
	Máy tính bàn CORE 15-10400	Cái	1				15.000						
	Máy tính bàn CORE 15-10400	Cái	1				15.000						
	Máy tính bàn CORE 15-10400	Cái	1				15.000						
	Máy tính bàn CORE 15-10400	Cái	1				15.000						
	Máy tính bàn CORE 15-10400	Cái	1				15.000						
	Máy tính bàn CORE 15-10400	Cái	1				15.000						
	Máy tính bàn CORE 15-10400	Cái	1				15.000						
	Máy tính bàn CORE 15-10400	Cái	1				15.000						
	Máy tính bàn CORE 15-10400	Cái	1				15.000						
	Máy tính bàn CORE 15-10400	Cái	1				15.000						
	Máy tính bàn CORE 15-10400	Cái	1				15.000						
	Máy tính bàn CORE 15-10400	Cái	1				15.000						
	Máy tính bàn CORE 15-10400	Cái	1				15.000						
	Máy tính bàn CORE 15-10400	Cái	1				15.000						
	Máy tính bàn CORE 15-10400	Cái	1				15.000						
	Máy tính bàn CORE 15-10400	Cái	1				15.000						
	Máy tính bàn CORE 15-10400	Cái	1				15.000						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Máy tính cấu hình cao CORE 17-11700	Cái	1				25.000						
	Máy tính cấu hình cao CORE 17-11700	Cái	1				25.000						
	Thảm trải phòng truyền thống		1				20.250						
	Thùng loa Micready A,TQ	Cái	1				12.450						
	Thùng loa Micready A,TQ	Cái	1				12.450						
	Thùng loa Micready A,TQ	Cái	1				12.450						
	Tivi LC 43 ich+ giá treo	Cái	1				19.600						
	Tivi LC 43 ich+ giá treo	Cái	1				19.600						
	Tivi LC 65 ich+ giá đứng+dây cáp	Cái	1				36.845						
	Tivi LC 65 ich+ giá đứng+dây cáp	Cái	1				36.845						
	Tủ trưng bày 1.6mx2m	Cái	1				13.780						
	Tủ trưng bày 1.6mx2m	Cái	1				13.780						
	Tủ trưng bày 2.2mx2m	Cái	1				17.530						
	Tủ trưng bày 2.2mx2m	Cái	1				17.530						
	Tủ trưng bày 2.2mx2m	Cái	1				17.530						
	Tủ trưng bày 2.2mx2m	Cái	1				17.530						
II	**Tài sản giao mới**						**149.446**						
4	**Tài sản cố định khác**						**149.446**						
	Máy photocopy FuJifilm Apeos 4570CPS	Cái	1				89.760						
	Máy tính xách tay Dell Latitude 3440	Cái	1				29.843						
	Máy tính xách tay Dell Latitude 3440	Cái	1				29.843						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
V	**Tài sản có phương thức hình thành khác**						**305.580**						
4	**Tài sản cố định khác**						**305.580**						
	Máy bơm chữa cháy động cơ điện hiệu TESU (Thái Lan), Model MV8		1				38.580						
	Máy bơm chữa cháy động cơ điện hiệu TESU (Thái Lan), Model STE50-250/220		1				85.000						
	Máy bơm chữa cháy động cơ Diesel hiệu TESU (Thái Lan), Model KDP92HV		1				182.000						
	Tổng cộng						**26.039.867**						

Ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Phạm Thị Kim Hiếu

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH TIỀN GIANG
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Trần Thị Mỹ Hạnh

Bộ, tỉnh: Tỉnh Tiền Giang

Mẫu số 09b-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Tổng Cục thống kê

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang

Mã đơn vị: 1056810

Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2023

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
1	Quyền sử dụng đất tại Số 21, đường 30/4, P1, Văn Phòng Cục Thống kê	2989,1	45.935.400	2989,1																	
2	Quyền sử dụng đất tại Số 88 Nô Quyền, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang	84	1.515.600	84																	
3	Quyền sử dụng đất tại Khu phố 3, Phường 3 Thị xã Gò Công, Tỉnh Tiền Giang	198	1.428.000	198																	
4	Quyền sử dụng đất tại Số 17/17, đường tỉnh 868, khu phố 1 phường 4, Thị Xã Cai lậy, Tỉnh Tiền Giang	162	972.000	162																	
5	Công văn 995/UBND-CN Khu 4, Thị Trấn Mỹ Phước, Huyện Tân phước Tỉnh Tiền Giang	156	198.000	156																	

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
6	Công văn 1298/UNND-CNKhu 1B, Thị Trấn Cái bè, Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang	127	536.960	127																	
7	Thông báo 685/TB-UBND tại Thị Trấn Bình Phú, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang	305	763.750	305																	
8	Quyền sử dụng đất tại KP. Cá, TT Tân Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	182	308.550	182																	
9	Quyền sử dụng đất tại Ô 4, khu 1, Thị Trấn Chợ Gạo, Huyện Chợ Gạo, Tiền Giang	486	1.412.010	486																	
10	Quyền sử dụng đất tại Số 5, Đường Nguyễn Văn Côn, Thị Trấn Tân Hòa, Huyện Gò Công Đông, Tỉnh Tiền Giang	377	565.500	377																	
11	Số 1024/UBND Khu 4, Thị Trấn Vĩnh Bình, Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang	110	330.000	110																	
12	Quyền sử dụng đất tại Ấp Bà Lắm, xã Phú Thạnh, Huyện Tân Phú Đông, Tỉnh Tiền Giang	540	30.240	540																	
13	Nhà làm việc Văn Phòng Cục Thống kê									2023	2.778	23.054.511	21.516.775	1							

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
14	Nhà làm việc Chi Cục Thống kê TP. Mỹ Tho									1975	329	435.642		1							
15	Nhà làm việc Chi Cục Thống kê TX. Gò Công									2012	198	2.266.376	1.290.443	1							
16	Nhà làm việc Chi Cục Thống kê Huyện Chợ Gạo									2020	288	3.503.563	2.568.812	1							
17	Nhà làm việc Chi Cục Thống kê Huyện Cái Bè									2012	202	2.090.265	863.312	1							
18	Nhà làm việc Chi Cục Thống kê Huyện Cai Lậy									2020	138	2.703.450	1.982.170	1							
19	Nhà làm việc Chi Cục Thống kê Huyện Tân Phú Đông									2016	260	3.255.721	1.518.468	1							
20	Cải tạo sữa chữa Chi Cục Thống kê Huyện Gò Công Đông									2011	141	1.606.175	638.510	1							
21	Cải tạo sữa chữa Chi Cục Thống kê Huyện Gò Công Tây									2020	220	3.132.489	2.296.741	1							
22	Cải tạo sữa chữa Chi Cục Thống kê Huyện Tân Phước									2010	156	821.969	171.052	1							
23	Nhà làm việc Chi Cục Thống kê Thị Xã Cai Lậy									2014	210	800.844	187.828	1							
	Tổng cộng:	**5.716**	**53.996.010**	**5.716**							**2.142**	**43.671.005**	**33.034.110**	**11**							

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*

Ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Phạm Thị Kim Hiếu

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH TIỀN GIANG
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Trần Thị Mỹ Hạnh

Bộ, tỉnh: Tỉnh Tiền Giang

Mẫu số 09c-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Tổng Cục thống kê

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang

Mã đơn vị: 1056810

Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2023

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
I	**Xe ô tô**		**1**	**793.400**	**793.400**		**422.962**							
1	BKS 63A-00436	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	793.400	793.400		422.962		x					
II	**Tài sản cố định khác**		**337**	**7.788.635**	**7.788.635**		**3.429.855**							
1	Máy tính thương hiệu VN	Chi Cục Thống kê Huyện Cái Bè	1	13.301	13.301		0	x						
2	Máy tính thương hiệu VN	Chi Cục Thống Kê Huyện Tân Phú Đông	1	13.301	13.301		0	x						
3	Máy tính Dell PptiPlex 3070	Phòng Cục Trưởng	1	24.970	24.970		9.988	x						
4	Máy tính Dell PptiPlex 3070	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	24.970	24.970		9.988	x						
5	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Chi Cục Thống Kê Huyện Cai lậy	1	18.490	18.490		7.396	x						
6	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Phòng Thống kê Kinh tế	1	18.490	18.490		7.396	x						
7	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Phòng Thống kê Xã hội	1	18.490	18.490		7.396	x						
8	Máy tính thương hiệu VN	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	13.301	13.301		0	x						
9	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Phòng Thống Kê Tổng Hợp	1	18.490	18.490		7.396	x						
10	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Phòng Thống kê Kinh tế	1	18.490	18.490		7.396	x						
11	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	18.490	18.490		7.396	x						
12	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Phòng Thống kê Xã hội	1	18.490	18.490		7.396	x						
13	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Phòng Thống Kê Tổng Hợp	1	18.490	18.490		7.396	x						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
14	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Chi Cục Thống Kê Mỹ Tho	1	18.490	18.490		7.396	x						
15	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Gò Công	1	18.490	18.490		7.396	x						
16	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Chi Cục Thống Kê Huyện Tân Phước	1	18.490	18.490		7.396	x						
17	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Chi Cục Thống Kê Huyện Cai lậy	1	18.490	18.490		7.396	x						
18	Máy tính thương hiệu VN	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Cai Lậy	1	13.301	13.301		0	x						
19	Máy tính thương hiệu VN	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Đông	1	13.301	13.301		0	x						
20	Máy tính thương hiệu VN	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	11.900	11.900		0	x						
21	Máy vi tính HP ProDesk 600G2 Samll fom factor PC+ Màn hình HP V194 18,5 Ich LED Backlit LCD Monitor	Chi Cục Thống Kê Mỹ Tho	1	13.329	13.329		5.331	x						
22	Máy vi tính HP ProDesk 600G2 Samll fom factor PC+ Màn hình HP V194 18,5 Ich LED Backlit LCD Monitor	Chi Cục Thống Kê Huyện Tân Phú Đông	1	13.329	13.329		0	x						
23	Máy tính xách tay HP	Phòng Phó Cục Trưởng (Niềm)	1	13.600	13.600		0	x						
24	Máy tính xách tay Dell Latitude 3440	Phòng Phó Cục Trưởng (Niềm)	1	29.843	29.843		23.874	x	x					
25	Máy tính xách tay Dell Latitude 3440	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	29.843	29.843		23.874		x					
26	Máy tính xách tay Dell	Chi Cục Thống Kê Huyện Chợ Gạo	1	14.900	14.900		2.980		x					
27	Máy tính xách tay	Phòng Phó Cục Trưởng (Niệm)	1	14.900	14.900		5.960	x						
28	Máy tính xách tay	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	14.600	14.600		0		x					
29	Máy tính xách tay	Phòng Cục Trưởng	1	13.600	13.600		0	x						
30	Máy tính thương hiệu VN	Phòng Thống kê Kinh tế	1	13.301	13.301		0	x						
31	Máy tính thương hiệu VN	Phòng Thống kê Kinh tế	1	13.301	13.301		0	x	x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
32	Máy tính thương hiệu VN	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Cai Lậy	1	13.301	13.301		0	x						
33	Máy tính thương hiệu VN	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Gò Công	1	13.301	13.301		0	x						
34	Máy tính thương hiệu VN	Phòng Thống kê Xã hội	1	13.301	13.301		0	x						
35	Máy tính thương hiệu VN	Chi Cục Thống Kê Huyện Cai lậy	1	13.301	13.301		0	x						
36	Máy tính thương hiệu VN	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Tây	1	13.301	13.301		0	x						
37	Máy tính thương hiệu VN	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	13.301	13.301		0	x						
38	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Chi Cục Thống kê Huyện Cái Bè	1	18.490	18.490		7.396	x						
39	Máy vi tính HP ProDesk 600G2 Samll fom factor PC+ Màn hình HP V194 18,5 Ich LED Backlit LCD Monitor	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	13.329	13.329		2.666	x						
40	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Đông	1	18.490	18.490		7.396	x						
41	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Chi Cục Thống kê Huyện Cái Bè	1	18.490	18.490		7.396	x						
42	Máy tính bàn CORE 15-10400	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	15.000	15.000		9.000	x						
43	Máy tính bàn CORE 15-10400	Phòng Thống kê Kinh tế	1	15.000	15.000		9.000	x						
44	Máy tính bàn CORE 15-10400	Kho	1	15.000	15.000		9.000	x						
45	Máy tính bàn CORE 15-10400	Kho	1	15.000	15.000		9.000	x						
46	Máy tính bàn CORE 15-10400	Kho	1	15.000	15.000		9.000	x						
47	Máy tính bàn CORE 15-10400	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	15.000	15.000		9.000	x						
48	Máy tính bàn CORE 15-10400	Kho	1	15.000	15.000		9.000	x						
49	Máy tính bàn CORE 15-10400	Kho	1	15.000	15.000		9.000	x						
50	Máy tính bàn CORE 15-10400	Kho	1	15.000	15.000		9.000	x						
51	Máy tính bàn CORE 15-10400	Kho	1	15.000	15.000		9.000	x						
52	Máy tính bàn CORE 15-10400	Kho	1	15.000	15.000		9.000	x						
53	Máy tính bàn CORE 15-10400	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	15.000	15.000		9.000	x						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
54	Máy tính bàn CORE 15-10400	Kho	1	15.000	15.000		9.000	x	x					
55	Máy scan loại 1	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	30.800	30.800		18.480		x					
56	Máy photocopy FuJifilm Apeos 4570CPS	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	89.760	89.760		78.540		x					
57	Máy photocopy canon IR2525	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	50.590	50.590		0		x					
58	Máy tính bàn CORE 15-10400	Kho	1	15.000	15.000		9.000	x						
59	Máy tính bàn CORE 15-10400	Kho	1	15.000	15.000		9.000	x						
60	Máy tính bàn VTB	Chi Cục Thống Kê Huyện Chợ Gạo	5	59.500	59.500		11.900	x						
61	Máy tính bảng	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	18.950	18.950		0	x						
62	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	18.490	18.490		7.396	x						
63	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	18.490	18.490		7.396	x						
64	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Cai Lậy	1	18.490	18.490		7.396	x						
65	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Gò Công	1	18.490	18.490		7.396	x						
66	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	18.490	18.490		7.396	x						
67	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Phòng Thống kê Xã hội	1	18.490	18.490		7.396	x						
68	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Chi Cục Thống Kê Huyện Tân Phước	1	18.490	18.490		7.396	x						
69	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Chi Cục Thống Kê Mỹ Tho	1	18.490	18.490		7.396	x						
70	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	18.490	18.490		7.396	x						
71	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Phòng Thống kê Kinh tế	1	18.490	18.490		7.396	x						
72	Máy tính để bàn	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	357.406	357.406		214.444	x						
73	Máy tính cấu hình cao CORE 17-11700	Phòng Phó Cục Trưởng (Niềm)	1	25.000	25.000		15.000	x						
74	Máy tính cấu hình cao CORE 17-11700	Phòng Phó Cục Trưởng (Niệm)	1	25.000	25.000		15.000	x						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
75	Máy tính bảng	Phòng Phó Cục Trưởng (Niềm)	1	14.970	14.970		2.994	x						
76	Máy tính bảng	Phòng Phó Cục Trưởng (Niệm)	1	14.970	14.970		2.994	x						
77	Máy tính bảng	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Đông	1	7.780	7.780		1.556	x						
78	Máy tính bảng	Phòng Cục Trưởng	1	14.970	14.970		2.994	x						
79	Máy tính Dell OptiPlex 3070 (loại 4)	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	18.490	18.490		7.396	x						
80	Máy vi tính HP ProDesk 600G2 Samll fom factor PC+ Màn hình HP V194 18,5 Ich LED Backlit LCD Monitor	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Tây	1	13.329	13.329		5.331	x						
81	Máy vi tính ASUS	Chi Cục Thống Kê Huyện Chợ Gạo	1	11.900	11.900		0	x						
82	Máy vi tính để bàn hiệu APCOM	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	14.800	14.800		8.880	x						
83	Tủ hồ sơ	Phòng Thống Kê Công Nghiệp	1	9.000	9.000		0		x					
84	Tủ hồ sơ	Chi Cục Thống kê Huyện Cái Bè	1	10.800	10.800		1.350		x					
85	Tủ hồ sơ	Chi Cục Thống Kê Huyện Châu Thành	1	10.800	10.800		1.350		x					
86	Tủ hồ sơ	Phòng Thanh Tra Thống Kê	1	9.000	9.000		0		x					
87	Tủ hồ sơ	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	12.500	12.500		3.125		x					
88	Tủ hồ sơ	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	12.500	12.500		3.125		x					
89	Tủ hồ sơ	Phòng Thống Kê Nông Nghiệp	1	9.000	9.000		0		x					
90	Tủ hồ sơ	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Gò Công	1	10.800	10.800		1.350		x					
91	Tủ hồ sơ	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Gò Công	1	10.800	10.800		1.350		x					
92	Tủ hồ sơ	Chi Cục Thống Kê Huyện Châu Thành	1	10.800	10.800		1.350		x					
93	Tủ hồ sơ	Chi Cục Thống kê Huyện Cái Bè	1	10.800	10.800		1.350		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
94	Tủ hồ sơ	Phòng Phó Cục Trưởng (Niềm)	1	20.000	20.000		7.500		x					
95	Tủ hồ sơ	Chi Cục Thống kê Huyện Cái Bè	1	10.800	10.800		1.350		x					
96	Tủ hồ sơ	Phòng Thống Kê Thương Mại	1	11.300	11.300		4.238		x					
97	Tủ hồ sơ	Phòng THống Kê Dân Số Văn Xã	1	9.000	9.000		0		x					
98	Tủ hồ sơ	Phòng Thống Kê Tổng Hợp	1	9.000	9.000		0		x					
99	Tủ hồ sơ	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	6.000	6.000		0		x					
100	Tủ hồ sơ	Phòng Thống Kê Thương Mại	1	9.000	9.000		0		x					
101	Tủ hồ sơ	Chi Cục Thống Kê Huyện Chợ Gạo	1	41.250	41.250		20.625		x					
102	Tủ hồ sơ	Phòng THống Kê Dân Số Văn Xã	1	11.300	11.300		4.238		x					
103	Tủ trưng bày 2.2mx2m	Phòng Truyền Thống	1	17.530	17.530		15.339		x					
104	Tủ trưng bày 2.2mx2m	Phòng Truyền Thống	1	17.530	17.530		15.339		x					
105	Tủ trưng bày 2.2mx2m	Phòng Truyền Thống	1	17.530	17.530		15.339		x					
106	Tủ trưng bày 1.6mx2m	Phòng Truyền Thống	1	13.780	13.780		12.058		x					
107	Tủ trưng bày 1.6mx2m	Phòng Truyền Thống	1	13.780	13.780		12.058		x					
108	Tủ hồ sơ gỗ căn xe	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Cai Lậy	1	10.800	10.800		4.050		x					
109	Tủ hồ sơ gỗ căn xe	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Cai Lậy	1	10.800	10.800		4.050		x					
110	Tủ hồ sơ gỗ căm xe sơn P.U	Chi Cục Thống Kê Huyện Tân Phú Đông	1	14.500	14.500		5.438		x					
111	Tủ hồ sơ gỗ căm xe sơn P.U	Chi Cục Thống Kê Huyện Tân Phú Đông	1	14.500	14.500		5.438		x					
112	Tủ hồ sơ căm xe, gỏ đỏ, thao lao 4 cửa	Phòng Phó Cục Trưởng (Niệm)	1	9.500	9.500		0		x					
113	Tủ hồ sơ căm xe, gỏ đỏ, thao lao 4 cửa	Phòng Cục Trưởng	1	9.500	9.500		0		x					
114	Tủ hồ sơ căm xe, gỏ đỏ, thao lao 4 cửa	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	9.500	9.500		0		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
115	Tủ hồ sơ	Phòng Thống Kê Công Nghiệp	1	11.300	11.300		4.238		x					
116	Tủ hồ sơ	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Gò Công	1	10.800	10.800		1.350		x					
117	Tủ hồ sơ	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	9.000	9.000		0		x					
118	Tủ hồ sơ	Phòng Thống Kê Nông Nghiệp	1	11.300	11.300		4.238		x					
119	Tủ hồ sơ	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Gò Công	1	10.800	10.800		1.350		x					
120	Tivi Smart LG TV, 65"-65UT660H	Hội Trường	1	118.400	118.400		23.680		x					
121	Tivi LC 65 ich+ giá đứng+dây cáp	Hội Trường	1	36.845	36.845		22.107		x					
122	Tivi LC 65 ich+ giá đứng+dây cáp	Hội Trường	1	36.845	36.845		22.107		x					
123	Tivi LC 43 ich+ giá treo	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	19.600	19.600		11.760		x					
124	Máy vi tính thương hiệu VN	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	10.100	10.100		0	x						
125	Máy vi tính thương hiệu VN	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Tây	1	10.100	10.100		0	x						
126	Máy vi tính thương hiệu Việt Nam	Chi Cục Thống Kê Huyện Châu Thành	1	10.800	10.800		0	x						
127	Máy vi tính thương hiệu Việt Nam	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	9.900	9.900		5.940	x						
128	Máy vi tính thương hiệu Việt Nam	Chi Cục Thống Kê Huyện Châu Thành	1	10.800	10.800		0	x						
129	Máy vi tính thương hiệu việt Nam	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	11.308	11.308		0	x						
130	Máy vi tính HP PRODESK 600 GI	Chi Cục Thống Kê Huyện Châu Thành	1	15.846	15.846		0	x						
131	Máy vi tính HP PRODESK 600 GI	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Đông	1	15.846	15.846		0	x						
132	Máy vi tính HP 600G1, màn hình HP 18.5 inch	Chi Cục Thống Kê Mỹ Tho	1	15.846	15.846		0	x						
133	Máy vi tính HP 600G1, màn hình HP 18.5 inch	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Gò Công	1	15.847	15.847		3.169	x						
134	Máy vi tính để bàn hiệu APCOM	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	14.800	14.800		8.880	x	x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
135	Máy vi tính để bàn hiệu APCOM	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	14.800	14.800		8.880	x	x					
136	Máy vi tính để bàn hiệu APCOM	Chi Cục Thống kê Huyện Cái Bè	1	14.800	14.800		8.880	x	x					
137	Máy vi tính để bàn hiệu APCOM	Phòng Thống Kê Tổng Hợp	1	14.800	14.800		8.880	x	x					
138	Máy vi tính để bàn hiệu APCOM	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Gò Công	1	14.800	14.800		8.880	x	x					
139	Máy vi tính để bàn hiệu APCOM	Phòng Thống Kê Tổng Hợp	1	14.800	14.800		8.880	x	x					
140	Máy vi tính để bàn hiệu APCOM	Chi Cục Thống Kê Huyện Châu Thành	1	14.800	14.800		8.880	x	x					
141	Máy vi tính thương hiệu VN	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Đông	1	10.100	10.100		0	x						
142	Máy photocopy	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Gò Công	1	35.000	35.000		13.125	x						
143	Máy vi tính thương hiệu VN	Chi Cục Thống Kê Huyện Châu Thành	1	10.100	10.100		0	x						
144	Máy vi tính VENR THVN	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	10.000	10.000		2.000	x						
145	Tivi LC 43 ich+ giá treo	Phòng Cục Trưởng	1	19.600	19.600		11.760		x					
146	Tivi	Chi Cục Thống kê Huyện Cái Bè	1	22.760	22.760		9.104		x					
147	Tivi	Chi Cục Thống Kê Huyện Tân Phú Đông	1	22.760	22.760		9.104		x					
148	Tivi	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Đông	1	22.760	22.760		9.104		x					
149	Tích điện máy chủ APC Smart-UPS 2200VA	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	14.273	14.273		0		x					
150	Thùng loa Micready A,TQ	Hội Trường	1	12.450	12.450		9.960		x					
151	Thùng loa Micready A,TQ	Hội Trường	1	12.450	12.450		7.470		x					
152	Thùng loa Micready A,TQ	Hội Trường	1	12.450	12.450		9.960		x					
153	Thiết bị và phụ kiện đầu cuối	Hội Trường	1	250.599	250.599		50.120		x					
154	Thiết bị đầu cuối và phụ kiện	Chi Cục Thống Kê Huyện Tân Phú Đông	1	133.100	133.100		53.240		x					
155	Thiết bị đầu cuối và phụ kiện	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Đông	1	133.100	133.100		53.240		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
156	Thiết bị đầu cuối và phụ kiện	Chi Cục Thống kê Huyện Cái Bè	1	133.100	133.100		53.240		x					
157	Thảm trải phòng truyền thống	Phòng Truyền Thống	1	20.250	20.250		17.719		x					
158	Salon (gỗ đỏ sơn P.U)	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	24.000	24.000		12.000		x					
159	ổn áp 60KVA	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	49.500	49.500		0		x					
160	Máy vi tính xách tay	Phòng Thống Kê Tổng Hợp	1	19.600	19.600		11.760		x					
161	Máy vi tính VTB V3610U-M17	Chi Cục Thống Kê Huyện Tân Phú Đông	1	11.900	11.900		0	x						
162	Máy vi tính thương hiệu VN	Phòng Thống Kê Tổng Hợp	1	10.100	10.100		0	x						
163	Tủ trưng bày 2.2mx2m	Phòng Truyền Thống	1	17.530	17.530		15.339		x					
164	Máy photocopy	Chi Cục Thống Kê Huyện Châu Thành	1	35.000	35.000		13.125		x					
165	Máy photo loại 1	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	176.300	176.300		132.225		x					
166	Bộ ghế sofa nệm	Phòng Thống kê Xã hội	1	11.000	11.000		8.250		x					
167	Bộ ghế sofa nệm	Phòng Phó Cục Trưởng (Niệm)	1	11.000	11.000		8.250		x					
168	Bộ ghế sofa nệm	Phòng Thống Kê Tổng Hợp	1	11.000	11.000		8.250		x					
169	Bộ ghế sofa nệm	Phòng Cục Trưởng	1	11.000	11.000		8.250		x					
170	Bộ ghế sofa nệm	Phòng Thống kê Kinh tế	1	11.000	11.000		8.250		x					
171	Bộ ghế sofa nệm	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	11.000	11.000		8.250		x					
172	Bộ bàn tiếp khách (8 ghế)khung sườn gỗ thao lao, chân gỗ căm xe, mặt gỗ đỏ sơn PU 1m*2*0.78.Ghế gỗ đỏ:0.9m*0.4*1.05m	Phòng Cục Trưởng	1	25.000	25.000		18.750		x					
173	Bộ ghế sofa nệm	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	11.000	11.000		8.250		x					
174	Bộ bàn tiếp dân khung sườn gỗ thao lao chân gỗ căm xe, mặt gỗ đỏ sơn Pu 0.9m*1.8*0.78m	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	10.000	10.000		7.500		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
175	Bộ bàn nghế họp tiếp khách hình oval bàn ggo64 căm xe, mặt gỗ đỏ sơn PU kính trắng 10 ky mày cạnh 4m*1.6*0.78*, ghế gỗ đỏ 0.39m*0.4*1.05m	Phòng Họp	1	121.200	121.200		90.945		x					
176	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Cai Lậy	1	8.000	8.000		1.000		x					
177	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Cai Lậy	1	8.000	8.000		1.000		x					
178	Bộ bàn dài 8 ghế gỗ đỏ căm xe gõ đỏ sơn PU	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Tây	1	28.600	28.600		7.150		x					
179	Bình nước Inox	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	7.380	7.380		0		x					
180	Bảng chữ "Đảng Cộng Sản Việt Nam Quang vinh Muôn Năm" khung thép tráng kẽm chống rỉ,nền alu đỏ chữ mica dầy 3mm màu vàng, kích thước:9.76m*0.4m	Hội Trường	1	11.830	11.830		8.873		x					
181	Bàn lãnh đạo	Phòng Phó Cục Trưởng (Niệm)	1	9.000	9.000		0		x					
182	Bộ bàn nước mặt gỗ đỏ, căm xe	Chi Cục Thống Kê Huyện Cai lậy	1	19.800	19.800		9.900		x					
183	Bộ ghế sofa nệm	Phòng Phó Cục Trưởng (Niệm)	1	11.000	11.000		8.250		x					
184	Bộ salon	Chi Cục Thống Kê Huyện Châu Thành	1	24.000	24.000		6.000		x					
185	Bộ salon	Phòng Phó Cục Trưởng (Niệm)	1	16.000	16.000		6.000		x					
186	Máy Chiếu	Chi Cục Thống Kê Huyện Chợ Gạo	1	17.550	17.550		3.510		x					
187	Máy bơm chữa cháy động cơ Diesel hiệu TESU (Thái Lan), Model KDP92HV	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	182.000	182.000		136.500		x					
188	Máy bơm chữa cháy động cơ điện hiệu TESU (Thái Lan), Model STE50-250/220	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	85.000	85.000		63.750		x					
189	Máy bơm chữa cháy động cơ điện hiệu TESU (Thái Lan), Model MV8	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	38.580	38.580		28.935		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
190	Kệ lưu trữ tài liệu	Kho	1	5.220	5.220		2.480		x					
191	Kệ đựng tài liệu	Kho	1	5.720	5.720		3.575		x					
192	Kệ đựng tài liệu	Kho	1	5.720	5.720		3.575		x					
193	Kệ đựng tài liệu	Chi Cục Thống Kê Huyện Tân Phước	1	6.501	6.501		4.063		x					
194	Hệ thống thông tin liên lạc	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	56.777	56.777		34.066		x					
195	Ghế thờ ảnh Bác (gỗ căm xe sơn PU 70cm x 110cm)	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	8.500	8.500		2.125		x					
196	Cây gừa	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	6.400	6.400		0							x
197	Cây gừa	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	6.400	6.400		0							x
198	Bục phát biểu (100 cm x 120 cm x 110 cm)	Chi Cục Thống kê Huyện Cái Bè	1	9.800	9.800		2.205		x					
199	Bục phát biểu	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Gò Công	1	9.800	9.800		2.205		x					
200	Bộ so lon	Chi Cục Thống Kê Huyện Tân Phước	1	11.200	11.200		0		x					
201	Bộ salon gỗ căm xe gõ đỏ sơn PU	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Tây	1	27.500	27.500		10.313		x					
202	Bộ salon	Chi Cục Thống Kê Huyện Chợ Gạo	1	24.000	24.000		6.000		x					
203	Bàn lãnh đạo	Phòng Cục Trưởng	1	9.000	9.000		0	x						
204	Máy chiếu casino + màng chiếu	Phòng Thanh Tra Thống Kê	1	35.417	35.417		14.167		x					
205	Bàn lãnh đạo	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	9.000	9.000		0	x						
206	Bàn làm việc gỗ căm xe, sơ P.U	Chi Cục Thống Kê Huyện Tân Phú Đông	1	9.000	9.000		3.375		x					
207	Bàn làm việc 0,6 x 1,2 m	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Đông	1	7.500	7.500		0		x					
208	Bàn làm việc 0,6 x 1,2 m	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Đông	1	7.500	7.500		0		x					
209	Bàn làm việc	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Tây	1	23.100	23.100		5.775		x					
210	Bàn họp Oval	Phòng Họp	1	35.000	35.000		0		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
211	Bàn họp gỗ thao lao, căm xe	Chi Cục Thống Kê Huyện Tân Phú Đông	1	5.300	5.300		0		x					
212	Bàn hội trường gỗ thao lao, sơn PU	Chi Cục Thống Kê Huyện Cai lậy	6	34.800	34.800		21.750		x					
213	Bàn hội trường	Chi Cục Thống Kê Huyện Chợ Gạo	1	42.240	42.240		15.840		x					
214	Bàn làm việc 0,6 x 1,2 m	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Đông	1	7.500	7.500		0		x					
215	Bàn ghế salon	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Đông	1	9.000	9.000		0		x					
216	Bàn dài gỗ căm xe, sơ P.U	Chi Cục Thống Kê Huyện Tân Phú Đông	1	14.000	14.000		5.250		x					
217	Bàn dài gỗ căm xe	Chi Cục Thống Kê Huyện Tân Phước	1	12.000	12.000		3.000		x					
218	Bàn dài gỗ căm xe	Chi Cục Thống Kê Huyện Châu Thành	1	12.000	12.000		3.000		x					
219	Bàn dài gỗ căm xe	Chi Cục Thống Kê Huyện Chợ Gạo	1	12.000	12.000		3.000		x					
220	Bàn lãnh đạo	Phòng Phó Cục Trưởng (Niềm)	1	9.000	9.000		3.375	x						
221	Bàn hội nghị	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Đông	1	14.000	14.000		0		x					
222	Âm thanh hội trường	CCTK Huyện Cái Bè	1	31.162	31.162		24.930		x					
223	Bàn ghế salon	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Cai Lậy	1	8.500	8.500		0		x					
224	Bàn làm việc 0,6 x 1,2 m	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Đông	1	7.500	7.500		0	x						
225	Bàn làm việc 0,7 x 1,4 m	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Đông	1	8.500	8.500		0	x						
226	Bàn làm việc 0,7 x 1,4 m	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Đông	1	8.500	8.500		0	x						
227	Bàn làm việc gỗ căm xe, sơ P.U	Chi Cục Thống Kê Huyện Tân Phú Đông	1	9.000	9.000		3.375	x						
228	bàn làm việc gỗ căm xe sơn PU (3 cái)	Chi Cục Thống Kê Huyện Tân Phú Đông	1	25.000	25.000		0	x						
229	Bàn làm việc gỗ căm xe (80*140*78cm)	Chi Cục Thống Kê Huyện Chợ Gạo	1	8.000	8.000		2.000	x						
230	Bàn làm việc gỗ căm xe (80*140*78cm)	Chi Cục Thống Kê Huyện Chợ Gạo	1	8.000	8.000		2.000	x						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
231	Bàn làm việc gỗ căm xe (80*140*78cm)	Chi Cục Thống Kê Huyện Châu Thành	1	8.000	8.000		2.000	x						
232	Bàn làm việc gỗ căm xe (80*140*78cm)	Chi Cục Thống Kê Huyện Châu Thành	1	8.000	8.000		2.000	x						
233	Bàn làm việc gỗ căm xe (70*140*78cm)	Chi Cục Thống Kê Huyện Châu Thành	1	7.500	7.500		1.875	x						
234	Bàn làm việc gỗ căm xe (70*140*78cm)	Chi Cục Thống Kê Huyện Chợ Gạo	1	7.500	7.500		1.875	x						
235	Bàn làm việc gỗ căm xe (70*140*78cm)	Chi Cục Thống Kê Huyện Chợ Gạo	1	7.500	7.500		1.875	x						
236	Bàn làm việc gỗ căm xe (70*140*78cm)	Chi Cục Thống Kê Huyện Châu Thành	1	7.500	7.500		1.875	x						
237	Bàn làm việc gỗ căm xe (70*140*78cm)	Chi Cục Thống Kê Huyện Châu Thành	1	7.500	7.500		1.875	x						
238	Bàn làm việc gỗ căm xe (70*140*78cm)	Chi Cục Thống Kê Huyện Chợ Gạo	1	7.500	7.500		1.875	x						
239	Bàn làm việc gỗ căm xe (70 cm x 140 cm x 78 cm) Kiếng 8 ly	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Cai Lậy	1	7.500	7.500		2.813	x						
240	Bàn làm việc gỗ căm xe (70 cm x 140 cm x 78 cm) Kiếng 8 ly	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Cai Lậy	1	7.500	7.500		2.813	x						
241	Bàn làm việc gỗ căm xe (70 cm x 140 cm x 78 cm) Kiếng 8 ly	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Cai Lậy	1	7.500	7.500		2.813	x						
242	Bàn làm việc gỗ căm xe (70 cm x 140 cm x 78 cm) Kiếng 8 ly	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Cai Lậy	1	7.500	7.500		2.813	x						
243	Bàn làm việc gỗ căm xe	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	7.500	7.500		1.875	x						
244	Bàn làm việc gỗ thao lao, gỗ mật	Chi Cục Thống Kê Huyện Cai lậy	1	8.500	8.500		3.188	x						
245	Máy điều hòa	Phòng máy chủ	1	9.000	9.000		0		x					
246	Máy điều hòa 2 cục National 1,5 HP	Phòng Họp	1	10.014	10.014		0		x					
247	Máy điều hòa 2 cục National 1,5 HP	Phòng Cục Trưởng	1	8.328	8.328		0		x					
248	Máy in HP Laserjet Pro M230dw	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	8.063	8.063		3.225		x					
249	Máy in HP Laserjet Pro M230dw	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Đông	1	8.063	8.063		3.225		x					
250	Máy in HP laserjet Pro M230dw	Chi Cục Thống Kê Mỹ Tho	1	8.063	8.063		3.225		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
251	Máy in HP Laserjet Pro M230dw	Chi Cục Thống kê Huyện Cái Bè	1	8.063	8.063		3.225		x					
252	Máy in HP Laserjet Pro M230dw	Chi Cục Thống Kê Huyện Tân Phú Đông	1	8.063	8.063		3.225		x					
253	Máy in 404DN	Kho	1	10.000	10.000		6.000		x					
254	Máy in 404DN	Phòng Phó Cục Trưởng (Niệm)	1	10.000	10.000		6.000		x					
255	Máy in HP Laserjet Pro M230dw	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	8.063	8.063		3.225		x					
256	Máy in 404DN	Kho	1	10.000	10.000		6.000		x					
257	Máy in 404DN	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	10.000	10.000		6.000		x					
258	Máy hút bụi	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	21.300	21.300		12.780		x					
259	Máy fax: Brother2840	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	13.500	13.500		8.100		x					
260	Máy điều hoà Panasonic-Model CS-PC-12KGH	Nhà ăn	1	8.328	8.328		0		x					
261	Máy điều hoà Panasonic-Model CS-PC-12KGH	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	8.328	8.328		0		x					
262	Máy điều hoà Panasonic-Model CS-PC-12KGH	Nhà ăn	1	8.328	8.328		0		x					
263	Máy điều hoà Panasonic-Model CS-PC-12KGH	Phòng Thống kê Xã hội	1	8.328	8.328		0		x					
264	Máy in 404DN	Kho	1	10.000	10.000		6.000		x					
265	Máy in HP Laserjet Pro M230dw	Chi Cục Thống Kê Huyện Châu Thành	1	8.063	8.063		3.225		x					
266	Máy in HP laserjet Pro M230dw	Phòng Cục Trưởng	1	8.063	8.063		3.225		x					
267	Máy in HP Laserjet Pro M230dw	Chi Cục Thống Kê Huyện Tân Phước	1	8.063	8.063		3.225		x					
268	Máy photo coppy	Chi Cục Thống Kê Huyện Cai lậy	1	37.500	37.500		4.688		x					
269	Máy móc, thiết bị viễn thông, truyền hình	Phòng máy chủ	1	567.470	567.470		0		x					
270	Máy lạnh Toshiba 2 HP Unverter RAS-H18C4KCVG-V	Chi Cục Thống Kê Huyện Cai lậy	1	17.990	17.990		15.741		x					
271	Máy lạnh Toshiba 2 HP Unverter RAS-H18C4KCVG-V	Chi Cục Thống Kê Huyện Cai lậy	1	17.990	17.990		15.741		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
272	Máy lạnh Caper 2.0 HP	CCTK Huyện Cái Bè	1	12.320	12.320		10.780		x					
273	Máy lạnh Caper 2.0 HP	CCTK Huyện Cái Bè	1	21.864	21.864		19.131		x					
274	Máy lạnh Caper 2.0 HP	CCTK Huyện Cái Bè	1	21.864	21.864		19.131		x					
275	Máy lạnh Caper 2.0 HP	CCTK Huyện Cái Bè	1	21.864	21.864		19.131		x					
276	Máy in màu	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	9.450	9.450		5.670		x					
277	Máy in laserjet Pro M230dw	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Cai Lậy	1	8.063	8.063		3.225		x					
278	Máy in laser HP 400 M401 dne	Chi Cục Thống Kê Huyện Chợ Gạo	1	7.953	7.953		0		x					
279	Máy in laser HP 400 M401 dne	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Tây	1	7.953	7.953		1.591		x					
280	Máy in laser HP	Chi Cục Thống Kê Huyện Châu Thành	1	5.900	5.900		0		x					
281	Máy in HP Laserjet Pro M230dw	Phòng Thống Kê Tổng Hợp	1	8.063	8.063		1.613		x					
282	Máy in HP Laserjet Pro M230dw	Chi Cục Thống Kê Huyện Cai lậy	1	8.063	8.063		3.225		x					
283	Máy in HP laserjet Pro M230dw	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	8.063	8.063		3.225		x					
284	Máy in HP Laserjet Pro M230dw	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Tây	1	8.063	8.063		3.225		x					
285	Máy điều hòa Panasonic 1,5HP	Phòng Thống kê Kinh tế	1	8.075	8.075		0		x					
286	Máy điều hòa Panasonic 1,5HP	Kho	1	8.075	8.075		0		x					
287	Máy điều hòa Panasonic 1,5HP	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	10.590	10.590		3.971		x					
288	Máy điều hòa Panasonic 1,5 HP 2 cục	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	8.971	8.971		0		x					
289	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 3HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ30LH4 (3 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Phòng Thống kê Kinh tế	1	42.589	42.589		31.942		x					
290	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 3HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ30LH4 (3 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Kho	1	42.589	42.589		31.942		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
291	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 3HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ30LH4 (3 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Phòng Thống Kê Tổng Hợp	1	42.589	42.589		31.942		x					
292	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.5HP, ZTNQ24GPLA0, ZUAC1 (1 pha) Thái lan	Phòng Cục Trưởng	1	36.349	36.349		27.462		x					
293	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.5HP, ZTNQ24GPLA0, ZUAC1 (1 pha) Thái lan	Phòng Họp	1	36.349	36.349		27.262		x					
294	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.5HP, ZTNQ24GPLA0, ZUAC1 (1 pha) Thái lan	Phòng Phó Cục Trưởng (Niệm)	1	36.349	36.349		27.262		x					
295	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.5HP, ZTNQ24GPLA0, ZUAC1 (1 pha) Thái lan	Phòng Họp	1	36.349	36.349		27.262		x					
296	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.5HP, ZTNQ24GPLA0, ZUAC1 (1 pha) Thái lan	Phòng Phó Cục Trưởng (Niềm)	1	36.349	36.349		27.262		x					
297	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.0HP, ZTNQ18GPLA0, ZUAB1 (1 pha), PT MCGW0 Thái lan	Phòng Thống Kê Tổng Hợp	1	32.699	32.699		24.524		x					
298	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.0HP, ZTNQ18GPLA0, ZUAB1 (1 pha), PT MCGW0 Thái lan	Phòng Thống kê Xã hội	1	32.699	32.699		24.524		x					
299	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.0HP, ZTNQ18GPLA0, ZUAB1 (1 pha), PT MCGW0 Thái lan	Phòng máy chủ	1	32.699	32.699		24.524		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
300	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.0HP, ZTNQ18GPLA0, ZUAB1 (1 pha), PT MCGW0 Thái lan	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	32.699	32.699		24.524		x					
301	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.0HP, ZTNQ18GPLA0, ZUAB1 (1 pha), PT MCGW0 Thái lan	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	32.699	32.699		24.524		x					
302	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.0HP, ZTNQ18GPLA0, ZUAB1 (1 pha), PT MCGW0 Thái lan	Phòng Thống kê Kinh tế	1	32.699	32.699		24.524		x					
303	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.0HP, ZTNQ18GPLA0, ZUAB1 (1 pha), PT MCGW0 Thái lan	Phòng Truyền Thống	1	32.699	32.699		24.524		x					
304	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 2.0HP, ZTNQ18GPLA0, ZUAB1 (1 pha), PT MCGW0 Thái lan	Phòng Thống kê Kinh tế	1	32.699	32.699		24.524		x					
305	Máy điều hòa 2 cục Winter 1,5 HP	Phòng Phó Cục Trưởng (Niệm)	1	7.000	7.000		0		x					
306	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 3HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ30LH4 (3 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	42.589	42.589		31.942		x					
307	Máy photocopy	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Đông	1	35.000	35.000		13.125		x					
308	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 3HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ30LH4 (3 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	42.589	42.589		31.942		x					
309	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 3HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ30LH4 (3 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Phòng Tổ Chức Hành Chính	1	42.589	42.589		31.942		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
310	Máy điều hòa Panasonic 1,5 HP 2 cục	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	8.971	8.971				x					
311	Máy điều hòa panasonic 1,5 HP	Chi Cục Thống Kê Huyện Tân Phước	1	12.000	12.000		4.500		x					
312	Máy điều hòa panasonic 1,5 HP	Chi Cục Thống Kê Huyện Châu Thành	1	12.000	12.000		4.500		x					
313	Máy điều hòa panasonic 1,5 HP	Phòng Phó Cục Trưởng (Niềm)	1	12.000	12.000		4.500		x					
314	Máy điều hòa panasonic 1,5 HP	Chi Cục Thống Kê Thị Xã Gò Công	1	12.000	12.000		4.500		x					
315	Máy điều hòa panasonic 1,5 HP	Chi Cục Thống Kê Huyện Gò Công Đông	1	12.000	12.000		4.500		x					
316	Máy điều hòa không khí treo tường, 2HP, V18 ENF1 (1 pha) Thái lan	Phòng máy chủ	1	17.808	17.808		13.356		x					
317	Máy điều hòa không khí treo tường, 2HP, V18 ENF1 (1 pha) Thái lan	Phòng máy chủ	1	17.808	17.808		13.356		x					
318	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 5HP, ATNQ48GMLE7, AUUQ48LH (3 pha), PT-MCGW0, Thái Lan	Hội Trường	1	54.369	54.369		40.777		x					
319	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 5HP, ATNQ48GMLE7, AUUQ48LH (3 pha), PT-MCGW0, Thái Lan	Hội Trường	1	54.369	54.369		40.777		x					
320	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 5HP, ATNQ48GMLE7, AUUQ48LH (3 pha), PT-MCGW0, Thái Lan	Hội Trường	1	54.369	54.369		40.777		x					
321	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 5HP, ATNQ48GMLE7, AUUQ48LH (3 pha), PT-MCGW0, Thái Lan	Hội Trường	1	54.369	54.369		40.777		x					
322	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 5HP, ATNQ48GMLE7, AUUQ48LH (3 pha), PT-MCGW0, Thái Lan	Hội Trường	1	54.369	54.369		40.777		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
323	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 4HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ36LH4 93 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Phòng Phó Cục Trưởng (Niệm)	1	48.629	48.629		36.472		x					
324	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 4HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ36LH4 93 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Phòng Phó Cục Trưởng (Niềm)	1	48.629	48.629		36.472		x					
325	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 4HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ36LH4 93 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Phòng Cục Trưởng	1	48.629	48.629		36.472		x					
326	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 3HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ30LH4 (3 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Phòng Thống kê Xã hội	1	42.589	42.589		31.942		x					
327	Máy điều hòa không khí CASSETTE âm trần 3HP, ATNQ36GNLE7, AUUQ30LH4 (3 pha), PT-MCGW0, Thái lan	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	42.589	42.589		31.942		x					
328	UPS 1 KVA	Phòng Thu thập Thông Tin Thống kê	1	5.250	5.250		0		x					
	Tổng cộng		**338**	**8.582.035**	**8.582.035**		**3.852.817**							

Ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Phạm Thị Kim Hiếu

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH TIỀN GIANG
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Trần Thị Mỹ Hạnh

Bộ, tỉnh: Tỉnh Tiền Giang **Mẫu số 09d-CK/TSC**

Cơ quan quản lý cấp trên: Tổng Cục thống kê

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang

Mã đơn vị: 1056810

Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2023

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
I	**Đất**															
II	**Nhà**															
III	**Xe ô tô**															
IV	**Tài sản cố định khác**	**397.105**														
1	Máy điều hòa 2 cục National 1,5 HP	10.014						x			Hủy đốt, hủy chôn					
2	Máy điều hòa 2 cục Winter 1,5 HP	7.000						x			Hủy đốt, hủy chôn					
3	Máy điều hòa Panasonic 1,5 HP 2 cục	8.971						x			Hủy đốt, hủy chôn					
4	Máy điều hòa Panasonic 1,5 HP 2 cục	8.971						x			Hủy đốt, hủy chôn					
5	Máy in laser HP	5.900						x			Hủy đốt, hủy chôn					
6	Máy in laser HP 400 M401 dne	7.953						x			Hủy đốt, hủy chôn					
7	Máy photocopy canon IR2525	50.590						x			Hủy đốt, hủy chôn					
8	Máy tính bảng	7.780						x			Hủy đốt, hủy chôn					
9	Máy tính bảng	18.950						x			Hủy đốt, hủy chôn					
10	Máy tính thương hiệu VN	13.301						x			Hủy đốt, hủy chôn					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
11	Máy tính thương hiệu VN	13.301						x			Hủy đốt, hủy chôn					
12	Máy tính thương hiệu VN	13.301						x			Hủy đốt, hủy chôn					
13	Máy tính thương hiệu VN	13.301						x			Hủy đốt, hủy chôn					
14	Máy tính thương hiệu VN	13.301						x			Hủy đốt, hủy chôn					
15	Máy tính thương hiệu VN	13.301						x			Hủy đốt, hủy chôn					
16	Máy tính thương hiệu VN	13.301						x			Hủy đốt, hủy chôn					
17	Máy tính thương hiệu VN	13.301						x			Hủy đốt, hủy chôn					
18	Máy tính xách tay	14.600						x			Hủy đốt, hủy chôn					
19	Máy tính xách tay	13.600						x			Hủy đốt, hủy chôn					
20	Máy tính xách tay HP	13.600						x			Hủy đốt, hủy chôn					
21	Máy vi tính HP ProDesk 600G2 Samll fom factor PC+ Màn hình HP V194 18,5 Ich LED Backlit LCD Monitor	13.329						x			Hủy đốt, hủy chôn					
22	Máy vi tính HP 600G1, màn hình HP 18.5 inch	15.846						x			Hủy đốt, hủy chôn					
23	Máy vi tính HP PRODESK 600 GI	15.846						x			Hủy đốt, hủy chôn					
24	Máy vi tính HP PRODESK 600 GI	15.846						x			Hủy đốt, hủy chôn					
25	Máy vi tính thương hiệu Việt Nam	10.800						x			Hủy đốt, hủy chôn					
26	Máy vi tính thương hiệu Việt Nam	10.800						x			Hủy đốt, hủy chôn					
27	Máy vi tính thương hiệu VN	10.100						x			Hủy đốt, hủy chôn					
28	Máy vi tính thương hiệu VN	10.100						x			Hủy đốt, hủy chôn					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
29	Máy vi tính thương hiệu VN	10.100						x			Hủy đốt, hủy chôn					
30	Máy vi tính VENR THVN	10.000						x			Hủy đốt, hủy chôn					
	Tổng cộng	**397.105**														

Ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Phạm Thị Kim Hiếu

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH TIỀN GIANG
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Trần Thị Mỹ Hạnh

Bộ, tỉnh: Tỉnh Tiền Giang

Mẫu số 09đ-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Tổng Cục thống kê

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang

Mã đơn vị: 1056810

Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2023

Stt	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê						Liên doanh, liên kết					
		Số lượng/ diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	thu được từ việc kinh doanh trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản cho thuê	Đơn giá thuê	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng cho thuê tài sản (số …, ngày…)	Thời hạn cho thuê (từ … đến …)	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản liên doanh, liên kết	Đối tác liên doanh liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên doanh, liên kết (số …, ngày…)	Thời hạn liên doanh, liên kết (từ … đến …)	Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
I	**Đất**															
II	**Nhà**															
III	**Xe ôtô**															
IV	**Tài sản cố định khác**															
	Tổng cộng															

Ghi chú: không phát sinh

Ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Phạm Thị Kim Hiếu

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH TIỀN GIANG
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Trần Thị Mỹ Hạnh